

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HS-ST
Ngày: 25-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phùng
Ông Trương Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhựt Giang là Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

Võ Tấn D, sinh ngày 16/5/2005, tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; con ông Võ Văn D1, sinh năm 1984 và bà Trần Thị P, sinh năm 1983; nh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai. Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, học đến lớp 8 nghỉ, làm thuê phụ giúp gia đình. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo D bị tạm giam từ ngày 10/02/2023 đến nay, xin vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Cẩm S – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1983 và ông Võ Văn D1, sinh năm 1984 nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, vắng mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2004 nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1986 nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lâm Văn T, sinh năm 1989 vắng mặt;
2. Anh Võ Văn N, sinh năm 2001 vắng mặt;
3. Bà Trần Thị P, sinh năm 1983 vắng mặt;
4. Ông Võ Văn D1, sinh năm 1984 vắng mặt;
5. Chị Võ Thị Hồng T1, sinh năm 1998 vắng mặt;
6. Ông Võ Văn L1, sinh năm 1959 vắng mặt;
7. Em Võ Văn Gal L2, sinh năm 2005 vắng mặt;
8. Bà Võ Thị N1, sinh năm 1973 vắng mặt;
9. Bà Hồng Thị C, sinh năm 1947 vắng mặt;
10. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1973 vắng mặt;
11. Anh Lê Xuân M, sinh năm 2001 vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/12/2022, Võ Tấn D, ngụ ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu đến làm thuê tại quán “68K” do Lâm Văn T, sinh năm 1989 thuộc ấp H, xã T, huyện P và quen với Nguyễn Thị D2, sinh năm 1986, ngụ ấp H, xã P. Hằng ngày, D thấy con ruột của D2 là Nguyễn Thị L, sinh ngày 12/8/2004 thường sử dụng xe gắn máy, nhãn hiệu VIET THAI, số loại SIRIUS FCX, màu sơn trắng, biển số 67AK - 143.09 (do D2 đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký xe) đến quán công việc nên nảy sinh ý định chiếm đoạt đem cầm để lấy tiền chuộc lại điện thoại di động mà D đem

cầm trước đó (D cầm điện thoại màn hình cảm ứng hiệu OPPO A92 tại tiệm cầm đồ “Camdomp.com”, địa chỉ tại D, đường L, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do Lê Xuân M làm chủ). Để thực hiện được ý định của mình, D giả vờ hỏi D2 cho về nhà ở chung sau khi phụ tiếp quán xong. D2 đồng ý và hằng ngày để L chạy xe đến quán rước đưa cả hai về nhà. Ngày 22/12/2022, D sử dụng nick zalo “TOKYO” và “Duong S1” nhắn tin và hỏi M có cầm xe SIRIUS hay không. Do xe không chính chủ nên M từ chối. Khoảng 10 giờ ngày 22/12/2022, D giả vờ hỏi D2 mượn xe gắn máy nêu trên đi công việc nhưng D2 không đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô đến quán “68K” chờ D về nhà ngủ. Sau khi về đến nhà, D nói dối với L là đã hỏi D2 mượn xe gắn máy và được D2 đồng ý. L tưởng thật giao xe cho D. Sau khi nhận được xe, D chạy xe về nhà cô ruột là Võ Thị N1, sinh năm 1973, ngụ ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu tìm nơi bán và cầm nhưng không được. Sau khi xảy ra vụ việc, D2 nhờ T nhiều lần liên hệ và kêu D đem xe trả lại cho D2 nhưng D không đồng ý và đưa ra yêu cầu T phải đưa cho D số tiền 4.000.000 đồng, nếu T không đưa tiền sẽ mất xe. Sau đó, D2 tố giác hành vi phạm tội của D đến Công an xã P để xử lý. Đến ngày 10/02/2023, D nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đến Công an xã P, huyện P đầu thú và giao nộp xe để xử lý.

Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG-TTHS ngày 03/02/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe gắn máy, nhãn hiệu VIET THAI, số loại SIRIUS FCX, màu sơn trắng, biển số 67AK - 143.09, trị giá 6.000.000 đồng.

Ngày 19/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với Võ Tấn D để điều tra, xử lý.

* Lời khai của bị hại Nguyễn Thị L trình bày như nội dung vụ án. Qua vụ việc, L yêu cầu xử lý hình sự đối với D và không yêu cầu bồi thường.

* Lời khai của người có quyền lợi liên quan Nguyễn Thị D2 trình bày phù hợp với nội dung của vụ án. Qua vụ việc, D2 không yêu cầu D bồi thường thiệt hại.

* Lời khai của những người làm chứng Lâm Văn T, Võ Văn N2, Trần Thị P, Võ Hồng T1, Võ Văn L3, Võ Văn Gal L2, Võ Thị N1, Hồng Thị C, Võ Văn Đ, Lê Xuân M trình bày như nội dung vụ án.

* Quá trình điều tra, Võ Tấn D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P tạm giữ và trả lại cho bị hại Nguyễn Thị L 01 xe gắn máy, nhãn hiệu VIET THAI, số loại SIRIUS FCX, màu sơn trắng, biển số 67AK - 143.09.

* Phân trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L và người có quyền lợi liên quan Nguyễn Thị D2 không yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số 15/CT-VKS-PT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố bị cáo Võ Tấn D về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố, đề nghị:

- Trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo xử phạt Võ Tấn D từ 06 năm đến 09 tháng tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

- Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe mô tô, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố đối với bị cáo D. Bị cáo D là người dưới 18 tuổi phạm tội; bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt, từ nhỏ cha mẹ ly hôn, sống với bà nội đã già yếu, khi bị phát hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú; từ ngày tạm giam đến nay sức khỏe bị cáo rất yếu, phải điều trị tại bệnh viện nhiều lần. Bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị

cáo mức hình phạt thấp nhất và cho hưởng án treo như theo phát biểu luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị cáo, đương sự và người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai của những người này phù hợp với lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra, nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290, Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo D phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan, những người làm chứng và tài liệu trong hồ sơ vụ án như Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG-TTHS ngày 03/02/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Theo các chứng cứ vừa nêu trên, có cơ sở kết luận: Võ Tấn D đã có hành vi gian dối làm cho Nguyễn Thị L tưởng thật giao xe gắn máy, nhãn hiệu VIET THAI, số loại SIRIUS FCX, màu sơn trắng, biển số 67AK - 143.09 trị giá 6.000.000 đồng cho D để chiếm đoạt. Sau đó, D đem xe đi tìm chỗ tiêu thụ nhưng chưa được, bị

phát hiện. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân truy tố đối với bị cáo Võ Tấn D về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội

Bị cáo D là người dưới 18 tuổi nhưng có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm do bị cáo thực hiện. Bị cáo nhận thức được việc nói dối để người khác tin tưởng giao tài sản nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo D nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, thông qua đó có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; cha mẹ ly hôn từ nhỏ, bị cáo sống với bà nội đã già yếu; khi bị phát hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan có thẩm quyền đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong thời gian tạm giam phải đưa bị cáo nhiều lần nhập viện điều trị bệnh động kinh, sức khỏe kém, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D hình phạt tù nhưng được hưởng án treo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Bị cáo D là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi liên quan đã nhận lại xe mô tô, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bị cáo Võ Tấn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Võ Tấn D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Xử phạt bị cáo Võ Tấn D 06 (sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án 25/4/2023.

Giao bị cáo Võ Tấn D cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Võ Tấn D thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Võ Tấn D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đương sự;
- Người bào chữa;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn